

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN HẢI  
Tỉnh Thái Bình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 05/01/2023

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Quảng.

2. Bà Tạ Thị Minh Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXX- ST ngày 05/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lộc Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Th, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn M, xã Nam C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn, đơn xin xét xử vắng mặt và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lộc Thị T trình bày:* Chị T và anh Th kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 17/10/2006. Sau khi kết hôn, chị T và anh Th chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ năm 2017 cho đến nay chị T và anh Th sống ly thân không

ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị T và anh Th có một con chung là Lê Thị Phương Th, sinh ngày 07/11/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung sống cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2022 bị đơn là anh Lê Văn Th trình bày:* Anh Th và chị Thủy tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng có xô bắt, xô đũa bình thường nhưng không có mâu thuẫn lớn, tuy nhiên năm 2017 sau khi cãi nhau thì chị T tự ý mang con về quê chị T tại tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, anh Th có lên tìm nhưng chị T không về. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh Th, quan điểm của anh muốn chị T về gặp gia đình anh để nói chuyện và xin lỗi, việc chị T ly hôn để chị T tự giải quyết. Về con chung: Anh Th và chị T có một con chung là Lê Thị Phương Th, sinh ngày 07/11/2012, con chung hiện đang ở cùng chị T, nếu chị T muốn nuôi con thì anh cũng đồng ý để con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ: Anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2022, Ủy ban nhân xã C cung cấp như sau: Anh Lê Văn Th có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh Th và chị T kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Về con chung: Anh Th và chị T có một con chung là Lê Thị Phương Th, sinh năm 2012. Về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị T và anh Th theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lộc Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Th; về con chung: Giao con chung Lê Thị Phương Th, sinh ngày 07/11/2012 cho chị Lộc Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Lộc Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]. Về tố tụng:** Bị đơn là anh Lê Văn Th có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Lộc Thị T và anh Lê Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

**[2]. Về nội dung:**

**[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lộc Thị T và anh Lê Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại thời điểm kết hôn, chị T và anh Th đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh Th chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Th vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn là anh Th yêu cầu chị T phải về xin lỗi gia đình anh Th, còn nếu chị T muốn ly hôn thì tùy chị T giải quyết. Xét thấy, từ năm 2017 cho đến nay chị T và anh Th không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Anh Th đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Th không đến Tòa án tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2]. Về con chung:** Chị T và anh Th có một con chung là Lê Thị Phương Th, sinh ngày 07/11/2012. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Bị đơn là anh Th cũng đồng ý để con chung cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi chị T và anh Th không chung sống cùng nhau cho đến nay, cháu Th sống cùng chị T, cháu Th trên 07 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho việc sinh hoạt và học tập ổn định của cháu Th, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung của chị T và anh Th là cháu Lê Thị Phương Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

**[2.3]. Về tài sản chung, công nợ:** Không giải quyết.

**[2.4]. Về án phí:** Chị Lộc Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lộc Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Th.

2/ Về con chung: Giao cho chị Lộc Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Thị Phương Th, sinh ngày 07/11/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Anh Lê Văn Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Lộc Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002522 ngày 24/10/2022.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Chu Thị Linh**